

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tuấn**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Ngô Mỹ Châu**

Ông Trần Văn Thành

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ Hạnh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà **Hoàng Thị Ngọc Diệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 155/2020/TLST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Ngọc H (tên gọi khác: M), sinh năm 1976, tại Tuyên Quang; nơi cư trú: Tổ 2 T, phường V, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Đạp xích lô; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc H (chết) và bà Hoàng Thị T (sinh năm 1953); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 14/11/1996, bị Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa ra Quyết định số 2187 đưa vào cơ sở giáo dục về hành vi trộm cắp tài sản, chấp hành xong ngày 26/11/1998; ngày 11/3/2011, bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 06 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, chấp hành xong hình phạt ngày 18/01/2012; ngày 29/11/2012 bị Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, chấp hành xong hình phạt ngày 03/01/2014; Bị tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 06/02/2020, bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

2. Trương Văn C (tên gọi khác: Ch), sinh năm 1980, tại Khánh Hòa; nơi cư trú: 115/20 P, phường P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa; nghề nghiệp: Đạp xích lô; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn T (sinh năm 1947) và bà Trần Thị Đ (sinh năm 1950); tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị truy nã, vắng mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà **Pavlova F** (Quốc tịch Nga), sinh năm 1982; nơi lưu trú tại Việt Nam: Phòng 1805 khách sạn N, đường T, phường L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

- *Người làm chứng:* Bà **Kim A** (Quốc tịch Nga), sinh năm 1968; nơi lưu trú tại Việt Nam: Phòng 1805 khách sạn N, đường T, phường L, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ ngày 03/02/2020, Nguyễn Ngọc H, Trương Văn C đang điều khiển xe xích lô máy đến khu vực khách sạn S tại đường T, phường L, thành phố Nha Trang tìm khách thì gặp chị Pavlova F (quốc tịch Nga), chị Kim A (quốc tịch Nga) và một người nam (chưa xác định được lai lịch, địa chỉ). H và C mời đi xích lô thì cả ba người đồng ý, H chở chị Pavlova F và chị Kim A, C chở người nam đến nhà hàng Biển C, địa chỉ 199/1 N, Nha Trang để ăn uống.

Khoảng 30 phút sau, H và C tiếp tục chở chị Pavlova F và chị Kim A và người nam về. Khi đến khu vực 86A T, phường L, Nha Trang thì H và C dừng lại đề nghị thanh toán tiền. Tại đây, chị Kim A lấy ra 15.000 đồng trả cho H, H không đồng ý và giơ 05 ngón tay (nghĩa là 500.000 đồng), lấy điện thoại của mình nhấn số 500 đưa cho chị Pavlova F và Kim A xem. Chị Pavlova F rút từ trong ví ra một xấp tiền với nhiều mệnh giá khác nhau. Thấy vậy, H nảy sinh lòng tham, giật liên tục 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng trên tay chị Pavlova F, tổng cộng là 1.500.000 đồng. Chị Pavlova F chưa đồng ý thanh toán số tiền trên nên với tay tới H định lấy lại tiền thì H quay lưng lại cản không cho chị Pavlova F lấy lại tiền. Sau đó, H lên xe xích lô đạp đi, C cũng đạp xích lô đi theo. Khi đi được khoảng 100m thì cả hai dừng lại, H đưa cho C 750.000 đồng.

Vật chứng: Đã trả lại cho bà Pavlova F.

Bản cáo trạng số 126/CT-VKSKH-P1 ngày 29/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Trương Văn C về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên nội dung đã truy tố đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H, Trương Văn C và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H 15 đến 18 tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án. Áp dụng khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo

Trương Văn C từ 06 đến 09 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho bị hại. Phần dân sự: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu nên không xét.

Bị cáo đồng ý với nội dung bản cáo trạng đã truy tố, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bị cáo Trương Văn C cố tình trốn tránh. Công an tỉnh Khánh Hòa đã ra quyết định truy nã đối với bị cáo Trương Văn C theo yêu cầu của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa. Tuy nhiên, việc truy nã không có kết quả. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm a, khoản 2, Điều 290 của Bộ luật tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt đối với bị cáo Trương Văn C.

Tại phiên tòa, bị hại, người làm chứng vắng mặt. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292, Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Ngọc H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Xét thấy lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng đã thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, do đó có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 03/02/2020, tại khu vực 86A Trần Phú, Lộc Thọ, Nha Trang, Nguyễn Ngọc H có hành vi cướp giật số tiền 1.500.000 đồng của chị Pavlova Faina (Quốc tịch Nga) đang cầm trên tay.

Trương Văn C biết rõ số tiền 750.000 đồng do Nguyễn Ngọc H đưa cho mình là do H phạm tội mà có nhưng vẫn nhận.

Các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Trương Văn C có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cáo trạng số 126/CT-VKSKH-P1 ngày 29/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Ngọc H về tội “*Cướp giật tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 171 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Trương Văn C về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Xét vai trò, tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo trong vụ án:

4.1. Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc H: Là người trực tiếp chiếm đoạt tài sản của bị hại. Có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt về các hành vi “*Cố ý gây thương tích*”, “*Trộm cắp tài sản*”. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù không tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội mới, nên cần xử phạt nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét thấy sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã trả lại tài sản đã chiếm đoạt cho bị hại để khắc phục hậu quả nên nên gây thiệt không lớn. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s, khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật mà an tâm cải tạo.

4.2. Đối với bị cáo Trương Văn C: Bị cáo biết rõ số tiền 750.000 đồng do Nguyễn Ngọc H đưa cho mình là do H phạm tội nhưng không khuyên răn bị cáo H mà có nhưng vẫn nhận số tiền trên. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, gián tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự xã hội tại địa phương. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, trong giai đoạn xét xử đã bỏ trốn, gây khó khăn cho việc xét xử vụ án. Do đó, cần xử phạt bị cáo thật nghiêm. Tuy nhiên, xét thấy quá trình điều tra, truy tố bị cáo khai báo thành khẩn, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền chiếm đoạt không lớn và đã trả lại cho bị hại để khắc phục hậu quả nên gây thiệt không lớn. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[5] Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho bị hại.

[6] Phần dân sự: Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, nhưng hồ sơ vụ án thể hiện bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bồi thường nên không xét.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc H **01 (Một)** năm **03 (Ba)** tháng tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án, nhưng được trừ thời gian tạm giữ từ ngày 05/02/2020 đến ngày 06/02/2020.

2. Căn cứ khoản 1 Điều 323, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Trương Văn C **06 (Sáu)** tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 21, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Nguyễn Ngọc H, Trương Văn C, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị cáo, bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Những người tham gia TT khác;
- VKSND CC tại Đà Nẵng;
- Vụ GDKT1 - TANDTC;
- Lưu hồ sơ; Ấn văn; Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Tuấn